

Bản án số: 54/2021/HS-ST

Ngày: 18 - 8 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Anh

2. Ông Hoàng Văn Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 43/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức D, sinh năm 1967; Tại: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn 6, xã D, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức D (đã chết) và bà Phạm Thị T (đã chết); Có vợ là Lê Thị T và có 04 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 30/12/2020 chuyển tạm giam và đến ngày 26/01/2021 được thay đổi bằng biện pháp bảo lãnh; Có mặt.

- Bị hại và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Mạnh H - Sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn 7, xã D, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt)

- Người làm chứng:

+ Chị Trần Thị H1 - Sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn 7, xã D, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt)

+ Chị Lê Thị T - Sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn 6, xã D, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt)

+ Anh Lê Đăng G - Sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa

+ Ông Trần Văn Th - Trưởng phòng khám 06 chuyên khoa Ngoại

Địa chỉ: Phố L, thị trấn Tr, huyện Tr. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do làm ăn thua lỗ, cần tiền trả tiền lương công nhân và bảo đảm sản xuất kinh doanh nên từ cuối năm 2019, anh Trần Mạnh H vay tiền của Nguyễn Đức D nhiều lần, với lãi xuất cao. Do anh H không có tiền trả nợ theo thỏa thuận, nên bị D gọi điện nhiều lần. Đến 09 giờ ngày 21/12/2020 chị Trần Thị H1, sinh năm 1990, ở thôn 7, xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn (chị H1 là con gái anh H), chuyển vào tài khoản của chị Lê Thị T, sinh năm 1978, ở thôn 6, xã D (chị T là vợ của D) số tiền lãi 48.600.000đ trên số tiền gốc là 240.000.000đồng.

Đến khoảng 15 giờ ngày 21 tháng 12 năm 2020, Tổ công tác Công an huyện Triệu Sơn nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại nhà ở của Nguyễn Đức D đang có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra và thu giữ 01 cuốn sổ, 02 điện thoại di động.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện khám xét khẩn cấp nhà ở của D thu giữ: 01 điều cày màu nâu đỏ, chất liệu làm bằng thân tre, dài 66cm, đường kính 04cm, thân tròn, ruột rỗng.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, D đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đầu thú và giao nộp: 01 quyển sổ có bìa màu cam; 01 quyển sổ có bìa màu vàng; 14 tờ giấy có liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng.

Kết quả điều tra xác định: Do có mối quan hệ quen biết, lại là người cùng địa phương nên D cho anh H vay tiền nhiều lần. Khi vay, hai bên viết giấy vay nợ vào một quyển sổ, ghi rõ ngày vay, số tiền vay, thời hạn trả hoặc ghi tài sản đảm bảo cho khoản vay, nhưng không ghi cụ thể mức lãi xuất cho vay. Mức lãi xuất cho vay được hai bên thỏa thuận ngoài, với mức lãi 6.000đ/1triệu/1ngày. Khi hết thời hạn vay, anh H đến nhà D trả tiền gốc và lãi. Nếu chưa trả được tiền gốc thì anh H phải thanh toán tiền lãi, đồng thời D sẽ cho anh H vay một khoản vay mới. Tiền gốc chưa trả của khoản vay trước được cộng với tiền gốc của khoản vay lần này, thành tiền gốc của khoản vay mới. Số tiền gốc mới này là căn cứ cho hai bên thực hiện. Trong khoảng thời gian từ ngày 15/12/2019 đến ngày 27/10/2020, Nguyễn Đức D đã cho anh Trần Mạnh H vay tiền 05 lần với mức lãi xuất 6.000đ/1triệu/1ngày. Trong đó có 04 lần thu lời bất chính trên 30.000.000đồng.

Căn cứ Thông tư số: 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa các tổ chức tín dụng với khách hàng, xác định Nguyễn Đức D cho Trần Mạnh H vay tiền với tổng số tiền 190.000.000đồng, lãi suất từ 164,3% đến 219,0% cao gấp từ 8,2 đến 10,9 lần mức lãi xuất cao nhất (không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay), quy định tại Điều 468 BLDS, thu lợi bất chính số tiền 216.949.041đồng.

Ngoài ra, kết quả điều tra xác định: Khoảng 14 giờ ngày 27/10/2020, D dùng điện thoại di động gọi điện cho anh H yêu cầu anh H đến để trả tiền lãi chậm trả của khoản vay 190.000.000đ là 12.000.000đ. Đến 16 giờ cùng ngày, anh H đi xe máy đến nhà D. Anh H nói: “Đợt này tôi hơi bí nên không đủ tiền nộp phạt, anh cầm trước 3.000.000đ, còn bao nhiêu tôi đưa sau”, nhưng D không đồng ý và buộc anh H phải trả đủ số tiền chậm trả. Hai bên lời qua tiếng lại, D cầm điều cày đang để ở bàn uống nước trong phòng khách đánh vào người anh H, anh H đưa tay lên đỡ thì trúng vào tay phải, làm anh H bị gãy kín đầu dưới xương trụ phải.

Tại Bản kết luận giám định số: 955/2020/TTPY ngày 29/12/2020, của Trung T pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tại thời điểm giám định pháp y về thương tích: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Trần Mạnh H là 10% (mười phần trăm).

Ngày 17/8/2021 anh Trần Mạnh H có đơn và tại phiên tòa anh H đề nghị xin được rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự “Cố ý gây thương tích” đối với Nguyễn Đức D.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKS-TS ngày 24/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Nguyễn Đức D về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn:

Do bị hại là anh Trần Mạnh H xin rút yêu cầu khởi tố vụ án “Cố ý gây thương tích” nên căn cứ khoản 2 Điều 155 BLTTHS đề nghị HĐXX đình chỉ vụ án “Cố ý gây thương tích” đối với Nguyễn Đức D.

Đề nghị giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt Nguyễn Đức D từ 12 tháng đến 15 tháng tù; Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 điều cày; Truy thu tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền vay gốc và tiền lãi là 195.917.808đ của anh H, số tiền lãi dưới 20% là 18.093.151đ và 01 điện thoại di

động của D và không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo. Buộc D phải trả lại cho anh H số tiền lãi vượt quá 20% là 174.266.849đ.

Lời nói sau cùng bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Anh H đề nghị giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Triệu Sơn, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 15/12/2019 đến ngày 27/10/2020 Nguyễn Đức D đã cho anh Trần Mạnh H vay tiền 05 lần với tổng số tiền 190.000.000đồng, lãi suất từ 164,3% đến 219,0% cao gấp từ 8,2 đến 10,9 lần mức lãi suất cao nhất (vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay), quy định tại Điều 468 BLDS. Số tiền lãi thực tế 240.960.000đồng; Số tiền lãi 20%/năm theo quy định là: 24.010.959đồng; Thu lợi bất chính số tiền 216.949.041đồng.

Theo kết luận của Ngân hàng Nhà nước- Chi nhánh Thanh Hóa, tại Văn bản số 260/THH2, ngày 10/3/2021, kết luận cụ thể:

Lần 1: Ngày 15/12/2019 đến 14/01/2020 vay 30 ngày số tiền 50.000.000đ, lãi đã trả 9.000.000đồng. Lãi suất theo quy định của ngân hàng Nhà nước không được quá số tiền sau: $(50 \text{ triệu} \times 20\%) \times 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 821.918 \text{đồng}$; lãi thực tế mà Nguyễn Đức D đã thu của Trần Mạnh H là 9.000.000đ là 219,0%/năm, chênh lệch thực tế và lãi xuất theo quy định là 2,2 lần, nên Nguyễn Đức D thu lợi bất chính: $9.000.000 \text{đ} - 821.918 \text{đ} = 8.178.082 \text{đồng}$.

Lần 2: Ngày 14/01/2020 đến 11/5/2020 vay 118 ngày số tiền 110.000.000đ, lãi đã trả 77.880.000đồng. Lãi suất theo quy định của ngân hàng Nhà nước không được quá số tiền là 7.112.329đồng; lãi thực tế mà Nguyễn Đức D đã thu của Trần Mạnh H là 77.880.000đồng là 219,0%/năm, chênh lệch thực tế và lãi xuất theo quy định là 2,2 lần, nên Nguyễn Đức D thu lợi bất chính: 70.767.671đồng.

Lần 3: Ngày 11/5/2020 đến 10/8/2020 vay 90 ngày số tiền 130.000.000đ, lãi đã trả 70.200.000đồng. Lãi suất theo quy định của ngân hàng Nhà nước không được quá số tiền là 6.410.959đồng; lãi thực tế mà Nguyễn Đức D đã thu của Trần Mạnh H là 70.200.000đồng là 219,0%/năm, chênh lệch thực tế và lãi xuất theo quy định là 2,2 lần, nên Nguyễn Đức D thu lợi bất chính: 63.789.041đồng.

Lần 4: Ngày 10/8/2020 đến ngày 15/9/2020 vay 36 ngày số tiền 190.000.000đ, lãi đã trả 35.280.000đồng. Lãi suất theo quy định của ngân hàng Nhà nước không được quá số tiền là 3.747.945đồng; lãi thực tế mà Nguyễn Đức D đã thu của Trần Mạnh H là 35.280.000đồng là 188,3%/năm, chênh lệch thực tế và lãi xuất theo quy định là 1,9 lần, nên Nguyễn Đức D thu lợi bất chính: 31.532.055đồng.

Ngày 15/9/2020 đến ngày 25/10/2020 vay 41 ngày số tiền 190.000.000đ, lãi đã trả 50.000.000đồng. Do không có tiền trả tiền lãi nên D và anh H thống nhất số tiền lãi 50.000.000đ được cộng lại thành số tiền vay gốc là 240.000.000đ (190.000.000 + 50.000.000).

Ngày 27/10/2020 anh H đã trả cho D 12.000.000đ là tiền lãi phạt do chậm trả tiền lãi.

Lần 5: Ngày 25/10/2020 đến ngày 21/12/2020 vay 45 ngày số tiền 240.000.000đ, lãi đã trả 48.600.000đồng. Lãi suất theo quy định của ngân hàng Nhà nước không được quá số tiền là 5.917.808đồng; lãi thực tế mà Nguyễn Đức D đã thu của Trần Mạnh H là 48.600.000đồng là 164,3%/năm, chênh lệch thực tế và lãi xuất theo quy định là 1,6 lần, nên Nguyễn Đức D thu lợi bất chính: 42.682.192đồng. Nhưng số tiền này sau khi được chị H1 chuyển vào tài khoản chị T khi bị cơ quan Công an phát hiện và chị T đã trả lại số tiền này cho chị H1.

Hiện tại anh Trần Mạnh H đã trả tiền lãi, còn nợ lại tiền gốc. Tổng thu lợi bất chính của D là 228.949.041đồng.

Như vậy, hành vi nêu trên của Nguyễn Đức D đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội danh và khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra: Trong khoảng thời gian vay nợ này, vào hồi 16 giờ ngày 27/10/2020, tại nhà của Nguyễn Đức D, do không thỏa thuận được về việc trả lãi

nên D đã có hành vi dùng điều cày đập vào tay phải của anh Trần Mạnh H, làm anh H bị gãy kín đầu dưới xương trụ phải. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Trần Mạnh H là 10%. Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS. Tuy nhiên theo đơn đề nghị và tại phiên tòa anh Trần Mạnh H xin rút yêu cầu khởi tố vụ án, xét thấy việc rút yêu cầu của anh H là tự nguyện, không bị ép buộc hay bị cưỡng bức. Nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 155 BLTTHS đình chỉ vụ án “Cố ý gây thương tích” đối với Nguyễn Đức D.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo diễn ra tại thời điểm loại tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến tín dụng đen có chiều hướng tăng đột biến, đã gián tiếp gây ra các tội phạm khác như giết người, cướp tài sản, cố ý gây thương tích, bắt giữ người trái pháp luật, gây rối trật tự công cộng...

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. “Cho vay lãi nặng” hoành hành khắp nơi khiến nhiều gia đình không có khả năng trả nợ. Có những trường hợp phải bỏ nhà và luôn sống trong tình cảnh lo sợ vì bị siết nợ. Thực trạng trên gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Vì vậy, cần xử lý nghiêm khắc, mới tương xứng với tính chất hành vi phạm tội và hậu quả gây ra; cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và làm tốt công tác phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong khoảng thời gian bị cáo phạm tội đã có 04 lần thu lời bất chính trên 30.000.000đồng. Nên cần áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Nên cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan H1 của pháp luật.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định của pháp luật bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên bị cáo là lao động tự do thu nhập thấp, hay ốm đau, gia đình khó khăn về kinh tế (có xác nhận của UBND xã Dân Lý). Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về các biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Về việc bồi thường thiệt hại: Tại đơn đề nghị và tại phiên tòa anh H và bị cáo thống nhất thỏa thuận bị cáo phải bồi thường cho anh H số tiền điều trị, viện phí, mất thu nhập, công người chăm nuôi và tổn thất tinh thần là 55.000.000đ. Số tiền này hai bên đã thanh toán cho nhau và không yêu cầu giải quyết. Nên không xem xét giải quyết.

Đối với 01 điều cày D dùng đánh gây thương tích cho anh H, xét thấy hiện nay không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động OPPO thu của D, đây là phương tiện dùng liên lạc khi gọi anh H đến và xảy ra đánh nhau. Nên cần tịch thu sung quỹ.

Đối với số tiền các bên thực hiện được xử lý như sau:

- Đối với số tiền vay gốc: Qua 05 lần vay, anh H đã vay của D số tiền 190.000.000đồng. Ngày 15/9/2020 đến ngày 25/10/2020 vay 41 ngày số tiền gốc 190.000.000đ, D tính lãi là 50.000.000đồng, khi thanh toán do anh H không có tiền trả nên giữa anh H và D thống nhất cộng số tiền nợ lãi này vào tiền gốc thành tổng số tiền nợ gốc là 240.000.000đồng. HĐXX thấy rằng, số tiền lãi 50.000.000đ được D nhân với mức là 234,3%/năm, do số tiền trên chưa thanh toán cho nhau và theo quy định không được xác định là tiền lãi cộng vào tiền gốc để trở thành tổng tiền gốc. Nên số tiền 50.000.000đ tiền lãi này được xác định anh H chưa thanh toán cho D do vậy không được xác định là tiền vay gốc. Số tiền này là khoản lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm anh H chưa trả nên chưa làm phát sinh khoản thu lợi bất chính. Do vậy không cần tịch thu vì chưa có hậu quả xảy ra.

Đối với số tiền trả lãi lần thứ 5 ngày 25/10/2020 đến ngày 21/12/2020 vay 45 ngày đã tính số tiền gốc 240.000.000đ trong đó có 50.000.000đ tiền lãi của lần vay trước, sau khi anh H đề nghị nên ngày 21/12/2020 chị Trần Thị H1 (là con gái anh H), chuyển vào tài khoản của chị Lê Thị T (chị T là vợ của D) số tiền lãi 48.600.000đ của số tiền gốc là 240.000.000đồng. Xét thấy, số tiền lãi đã trả 48.600.000đồng, nhưng lãi suất theo quy định của ngân hàng Nhà nước không được quá số tiền là 5.917.808đồng, sau khi chị T nhận tiền từ tài khoản đến khi bị Công an phát hiện đã rút ra và trả lại số tiền 48.600.000đồng cho chị H1, nên D chưa nhận mà anh H là người đang giữ số tiền này nên cần truy thu số tiền 5.917.808đồng từ anh H để sung quỹ.

Như vậy xác định số tiền vay nợ gốc là 190.000.000đồng xác định là phương tiện phạm tội, hiện nay anh H chưa trả cho D và số tiền lãi trong giới hạn 20%/năm của lần trả lãi lần vay thứ 5 là: 5.917.808đồng (hiện nay anh H đang giữ số tiền này sau khi chị T trả lại) nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước của anh H tổng cộng là: 195.917.808đồng.

- Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm D đã nhận của anh H gồm 04 lần là: 18.093.151đồng, trong đó (Lần 1: 821.918đồng, Lần 2: 7.112.329đồng, Lần 3: 6.410.959đồng, Lần 4: 3.747.945đồng). Xác định đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên cần truy thu tịch thu sung quỹ Nhà nước của D số tiền này là 18.093.151đồng. Ngày 27/10/2020 anh H đã trả 12.000.000đ tiền lãi phạt chậm trả tiền lãi do vậy số tiền này không phải là tiền thu lãi của khoản vay nào mà do chậm trả tiền lãi bị phạt lãi nên cần truy thu của D. Tổng cộng truy thu của D số tiền là: 30.093.151đồng.

- Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm được tính tổng cộng là: 174.266.849đồng (Lần 1: 8.178.082đồng, Lần 2: 70.767.671đồng, Lần 3: 63.789.041đồng, Lần 4: 31.532.055đồng), riêng lần 5 anh H nhờ chị H1 chuyển khoản cho D, nhưng chị T (vợ D) đã trả lại cho anh H. Xác định đây là khoản tiền mà D thu lợi bất chính của anh H (người vay) nên cần buộc D phải trả lại số tiền 174.266.849đồng cho anh H.

Ngày 27/01/2021 chị Lê Thị T (vợ D) đã nộp số tiền 10.000.000đ tại Chi cục Thi hành án huyện Triệu Sơn với nội dung nộp tiền thi hành án cho Nguyễn Đức D. Xét thấy cần được trừ vào số tiền mà D phải thi hành và tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án.

[7]. Quá trình điều tra còn xác định ngoài cho anh H vay những lần như trên thì D còn cho anh H vay tiền nhiều lần khác nữa. Nhưng các khoản vay này có khoản vay D không tính lãi xuất; có khoản vay D và anh H đều không nhớ cụ thể mức lãi xuất cho vay. Đồng thời, các khoản vay này các bên đã thanh toán xong, anh H và D đều không nhớ nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

Ngoài ra, D còn cho một số người khác vay tiền nhưng những khoản vay này D không tính lãi xuất và nếu tính lãi cũng theo lãi xuất ngân hàng. Xét thấy số tiền vay ít, thời hạn vay ngắn, không liên tục và cũng đã thanh toán hết cho nhau, nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

Quá trình điều tra anh H khai vào ngày 27/10/2020 khi đến nhà D trả lãi chậm trả bị D nhốt ở trong nhà D. Tuy nhiên, anh H không báo cáo, cũng không đưa ra được các tài liệu chứng minh cho lời khai của mình. Bản thân D không thừa nhận. Không thu thập được các tài liệu khác chứng minh. Do đó, không có căn cứ để xử lý D về tội bắt giữ người trái pháp luật.

Đối với chị Lê Thị T là vợ D cho D mượn số tài khoản để anh H chuyển trả tiền lãi. Chị T không biết D cho vay lãi nặng; không tham gia vào việc cho vay lãi; cũng không biết số tiền có trong tài khoản là tiền lãi mà anh H trả cho D. Bản thân

chị T cũng không hưởng lợi gì, số tiền này chị đã trả lại cho chị H1 con của anh H. Do đó, không có căn cứ để điều tra xử lý đối với chị T.

[8]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đình chỉ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo: Nguyễn Đức D về tội: “Cố ý gây thương tích”, theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

[2] Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức D, phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức D: 10 (Mười) tháng tù, được trừ 01 tháng 05 ngày đã tạm giữ tạm giam trước, thời hạn hình phạt tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 08 (Tám) tháng 25 (Hai mươi lăm) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Về các biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 điều cày đã qua sử dụng.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động OPPO A3S màu đen.

(Hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án huyện Triệu Sơn theo biên bản giao nhận ngày 01/7/2021).

+ Truy thu, tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 195.917.808 đồng là phương tiện dùng vào việc phạm tội của anh Trần Mạnh H.

+ Truy thu tịch thu sung quỹ Nhà nước khoản tiền 30.093.151 đồng là tiền lãi suất tương ứng với mức lãi suất 20%/năm và tiền lãi phạt của Nguyễn Đức D.

+ Bị cáo Nguyễn Đức D phải trả lại khoản tiền vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định của pháp luật (đây là khoản tiền bị cáo đã thu lời bất chính) cho anh Trần Mạnh H số tiền: 174.266.849 đồng.

Tiếp tục lưu giữ số tiền 10.000.000 đồng mà Nguyễn Đức D đã nộp theo biên lai thu tiền số 01093 ngày 27/01/2021 của Chi cục thi hành án huyện Triệu Sơn để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo Nguyễn Đức D phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo D và anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Công an huyện Triệu Sơn;
- Thi hành án HS; dân sự;
- Bị cáo; người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Tuấn

